

Số: 38/TTr-UBND

Triệu Phong, ngày 16 tháng 02 năm 2023

TỜ TRÌNH

**V/v đề nghị thông qua Đề án Chuyển đổi số huyện Triệu Phong
đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

Kính gửi: HĐND huyện Triệu Phong

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 04/10/2021 của Tỉnh ủy Quảng Trị về chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 42-KH/HU ngày 04/3/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy “Thực hiện Nghị Quyết 02-NQ/TW của Tỉnh ủy (khóa XVII) về chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

UBND huyện kính trình HĐND huyện xem xét, thông qua “Đề án Chuyển đổi số huyện Triệu Phong đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, như sau:

1. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Triển khai chuyển đổi số nhằm nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp; phát triển mạnh kinh tế số và xã hội số; hướng đến lợi ích của người dân, doanh nghiệp. Phấn đấu đến năm 2030, Triệu Phong cơ bản hoàn thành các mục tiêu tại Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” và Nghị quyết số 02-NQ/TU, ngày 04/11/2021 của Tỉnh ủy (khóa XVII) “về chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” và Kế hoạch số 42-KH/HU ngày 04/3/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy.

2. MỤC TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

2.1. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

+ Phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của các cơ quan Nhà nước

- 90% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh tại địa chỉ: <http://dichvucong.quangtri.gov.vn>;

- 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*);

- 100% báo cáo tổng hợp, báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của huyện được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh;

- 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý;

- Phần đầu huyện Triệu Phong hàng năm nằm trong top đầu về chỉ số ICT Index tỉnh Quảng Trị (chỉ số sẵn sàng ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước).

+ *Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế*

- Phần đầu kinh tế số chiếm 10% tổng giá trị các ngành sản xuất của huyện;

- Từng bước ứng dụng các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt trong thanh toán các loại phí, lệ phí và hoạt động kinh doanh, mua sắm trong cộng đồng.

+ *Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số*

- Hạ tầng mạng băng thông rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình (có thuê bao cáp quang), 100% xã, thị trấn;

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh;

- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 50%.

2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030.

+ *Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của các cơ quan Nhà nước*

- 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh tại địa chỉ: <http://dichvucong.quangtri.gov.vn>;

- 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*);

- Hình thành nền tảng dữ liệu và hạ tầng mạng lưới thiết bị kết nối mạng internet; kết nối, chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước, giảm 30% thủ tục hành chính; mở dữ liệu cho các tổ chức, doanh nghiệp, tăng 30% dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp;

- 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý;

- Duy trì huyện Triệu Phong hàng năm nằm trong top đầu về chỉ số sẵn sàng ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước (ICT Index)

tỉnh Quảng Trị. Thực hiện tốt về bảo đảm an toàn thông tin mạng.

+ Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Kinh tế số chiếm 15% tổng giá trị các ngành sản xuất của huyện;
- Ứng dụng rộng rãi các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt trong thanh toán các loại phí, lệ phí và hoạt động kinh doanh, mua sắm trong cộng đồng.

+ Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Hạ tầng mạng băng thông rộng cáp quang phủ đến 100% hộ gia đình (*có thuê bao cáp quang*);
- Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G; Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 70%.

3. CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN CỦA ĐỀ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ HUYỆN TRIỆU PHONG ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

TT	Tên dự án	Ghi chú
I	Hệ thống họp trực tuyến Huyện ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện đến Đảng ủy, UBND các xã. thị trấn	
II	Xây dựng phòng giám sát, điều hành tại Văn phòng HĐND và UBND huyện	
1	Gói cải tạo cơ sở vật chất phòng giám sát, điều hành và trang thiết bị CNTT	Bàn ghế, rèm màn, background
2	Ứng dụng chính quyền điện tử huyện Triệu Phong: Hệ thống lõi Chính quyền điện tử, hệ thống báo cáo và giám sát số liệu tập trung của huyện, hệ thống phản ánh hiện trường, Hệ thống tích hợp camera giám sát,...	
3	Trang bị máy vi tính cho đại biểu HĐND huyện	
4	Trang bị máy vi tính cho các cơ quan, đơn vị, địa phương	
III	Xây dựng hệ thống an toàn bảo mật và an toàn thông tin cấp huyện và 18 xã, thị trấn	

IV	Xây dựng hệ thống Theo dõi thực hiện nhiệm vụ Quản lý tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo	
1	Hệ thống theo dõi thực hiện nhiệm vụ UBND huyện Triệu Phong; nâng cấp Cổng thông tin điện tử huyện	
2	Hệ thống phần mềm Quản lý tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo	
V	Giải pháp nâng cao cải cách hành chính trên địa bàn toàn huyện	
1	Nâng cấp hạ tầng cơ sở vật chất tại bộ phận một cửa tại Huyện và các xã, thị trấn - Xây dựng bộ tiêu chuẩn về thiết bị, đường truyền, quy định sử dụng mạng nội bộ tại các bộ phận một cửa - Phân cấp đầu tư mua sắm máy tính, máy scan	Xây dựng bộ tiêu chuẩn tại tuyến xã, phân cấp đầu tư.
2	Đầu tư nâng cấp hệ thống mạng nội bộ tại trụ sở HĐND và UBND huyện	Khảo sát, quy hoạch, đầu tư nâng cấp hệ thống lan nội bộ bao gồm: Thiết bị, dây truyền dẫn, hệ thống wifi
3	Xây dựng hệ thống Camera tại bộ phận một cửa và module giám sát tập trung tại phòng giám sát Huyện	1) Camera giám sát tại bộ phận 1 cửa: 1 cam PTZ hoặc 02 cam Thân trong nhà 2) Camera giám sát bộ phận 1 cửa huyện : 01 camera PTZ 3) Đầu ghi và hệ thống phụ trợ tại Phòng giám sát huyện 4) Truyền dẫn trên nền tảng Internet sử dụng hạ tầng sẵn có
VI	Triển khai các nội dung tập huấn, truyền truyền nhằm nâng cao nhận thức và tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý, chỉ đạo, điều hành của các đơn vị trực thuộc và người dân trên địa bàn	
1	Giải pháp tuyên truyền vận động người dân ứng dụng DVC cấp độ 3 và cấp độ 4	1) Tổ chức tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng, trên Cổng thông tin cho người dân 2) Tổ chức cuộc thi và đưa tiêu chí đánh giá về nâng cao chỉ số cải cách hành chính cho

		CBCNVC
2	Tổ chức tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng	
3	Tổ chức cuộc thi và đưa tiêu chí đánh giá về nâng cao chỉ số cải cách hành chính cho CBCNVC	
4	Tập huấn chuyển đổi số cho CBCCVC huyện	

4. CÁC GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY PHÁT TRIỂN CHUYỂN ĐỔI SỐ

4.1. Công tác chỉ đạo về ứng dụng, phát triển CNTT để thúc đẩy chuyển đổi số

- Thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của huyện để chỉ đạo triển khai hoạt động chuyển đổi số của huyện trong thời gian đến.

- Tham mưu trình Hội đồng Nhân dân huyện ban hành Nghị quyết về chuyển đổi số huyện Triệu Phong giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030 để tổ chức thực hiện, đồng thời phân bổ kinh phí, phê duyệt các dự án đầu tư chuyển đổi số trên địa bàn huyện.

- Thực hiện tốt các chính sách thu hút và đãi ngộ, chế độ phụ cấp đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện.

- Xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành để cụ thể hóa các nội dung về chuyển đổi số nói chung, an toàn thông tin nói riêng theo hướng quy định về trách nhiệm bảo đảm an toàn thông tin đối với tổ chức, cá nhân; các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng.

- Chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số được tỉnh giao theo các theo các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên về xây dựng, triển khai các quy định, hướng dẫn thu thập, cập nhật, chia sẻ, khai thác thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu nhằm bảo đảm khả năng tiếp cận và sử dụng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân; về đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ CNTT; về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng.

4.2. Xây dựng nền tảng công nghệ phát triển chính quyền số phù hợp với xu thế phát triển

- Tập trung xây dựng chính quyền điện tử huyện phù hợp với khung kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh (phiên bản 2.0).

- Triển khai nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung cấp huyện (LGSP) và kết nối với hệ thống trực dữ liệu tỉnh (NGSP) để liên thông các Hệ thống thông tin ở tỉnh theo lộ trình xây dựng, hoàn thành các hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, ngành, lĩnh vực.

- Xây dựng nền tảng chính quyền số, đô thị thông minh; vận hành hiệu

quả Trung tâm giám sát, điều hành thông minh của huyện theo tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

4.3. Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin thiết thực, có hiệu quả

- Triển khai mô hình Hệ thống thông tin phục vụ hợp không giấy tờ và xử lý công việc của UBND huyện, các ngành cấp huyện theo hướng dẫn của cấp trên.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả hệ thống một cửa điện tử, cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh và Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành đồng bộ, liên thông từ huyện xuống cơ sở.

- Tổ chức chuẩn hóa cấu trúc, hệ thống hóa mã định danh, thực hiện số hóa dữ liệu và cung cấp danh mục dữ liệu đã được số hóa theo quy định để tích hợp, chia sẻ giữa các hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước bảo đảm dữ liệu được thu thập một lần.

4.4. Xây dựng chính quyền số bảo đảm gắn kết chặt chẽ với bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, an ninh quốc gia, bảo vệ thông tin cá nhân

- Triển khai các hệ thống bảo đảm an toàn thông tin; thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá an toàn, an ninh thông tin cho các hệ thống thông tin của huyện;

- Chú trọng nâng cao năng lực ứng phó nhằm bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

- Tăng cường phối hợp với các lực lượng công an, quân đội, cơ yếu, các doanh nghiệp về CNTT để sẵn sàng, chủ động phòng ngừa và xử lý các tình huống phát sinh trong lĩnh vực an toàn, an ninh thông tin. Bảo đảm an toàn, an ninh các hệ thống thông tin trọng yếu của huyện.

- Triển khai dịch vụ chứng thực chữ ký số cho các hệ thống thông tin dùng chung của huyện và sử dụng trên thiết bị di động để thuận tiện cho việc quản lý điều hành của các cơ quan nhà nước.

- Hướng dẫn công tác bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống nền tảng, hệ thống phục vụ phát triển chính quyền số; đẩy mạnh triển khai các hoạt động bảo đảm an toàn thông tin theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.

4.5. Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến

- Tăng cường truyền thông và quảng bá hiệu quả về dịch vụ công trực tuyến của cơ quan để người dân, doanh nghiệp hiểu rõ hơn về lợi ích mang lại từ việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Chú trọng đổi mới nội dung và hình thức tuyên truyền phù hợp với từng đối tượng thụ hưởng.

- Tận dụng các hệ thống thông tin sẵn có, chủ động bố trí, huy động nguồn lực tại chỗ để bảo đảm khả năng sẵn sàng tiếp nhận hồ sơ trực tuyến của tất cả các thủ tục hành chính. Trên cơ sở đó, từng bước có lộ trình nâng cấp,

phát triển hệ thống thông tin để xử lý hồ sơ hoàn toàn trên không gian mạng.

- Triển khai các hoạt động hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong việc tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến hiệu quả, coi người dân và doanh nghiệp là trung tâm, là đối tượng phục vụ; phổ cập kỹ năng số, hướng dẫn, hỗ trợ người dân nộp hồ sơ trực tuyến nhằm nâng cao số lượng hồ sơ xử lý trực tuyến đối với mỗi dịch vụ công.

- Kết nối với Cổng dịch vụ công của tỉnh và Hệ thống thu thập, đánh giá việc sử dụng thông tin và dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông; sẵn sàng kết nối với Hệ thống định danh, xác thực điện tử quốc gia, Hệ thống hỗ trợ thanh toán trực tuyến toàn quốc, các cơ sở dữ liệu quốc gia theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Tăng dần tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ và tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến của các dịch vụ công trực tuyến.

4.6. Bảo đảm các nguồn lực triển khai xây dựng chính quyền số

- Huy động các nguồn lực ưu tiên xây dựng chính quyền số của huyện theo hình thức phù hợp với khả năng ngân sách huyện nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn ngân sách và hiệu quả chuyển đổi số trong xây dựng chính quyền số các cấp của huyện.

- Đề xuất và triển khai tốt các chương trình phát triển công nghệ, các giải pháp tích hợp, ứng dụng, sản phẩm công nghệ thông tin phục vụ xây dựng chính quyền số hướng tới nền kinh tế số, xã hội số dựa trên dữ liệu mở, ứng dụng các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), Internet kết nối vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), giao diện lập trình ứng dụng mở (Open API)... tại địa phương.

- Chú trọng xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo, tập huấn cho các cán bộ, công chức, viên chức về chuyên đổi số, chính quyền số, khai thác sử dụng các hệ thống thông tin, làm việc trên môi trường mạng, sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (đối với người dân, doanh nghiệp).

- Chủ động, tích cực tiếp nhận chuyển giao và làm chủ công nghệ mới, phần mềm nguồn mở, công nghệ mở, chuẩn mở.

- Quan tâm học tập kinh nghiệm các địa phương trong và ngoài tỉnh triển khai chuyển đổi số thành công, nhất là các địa phương đi đầu, xếp thứ hạng cao về chuyển đổi số để phục vụ công tác chuyển đổi số của huyện.

- Chú trọng công tác đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng, không lộ lọt thông tin, bí mật quốc gia, bí mật nhà nước.

5. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

5.1. Nguồn nhân lực: Huy động nguồn nhân lực của cả hệ thống chính trị (hạt nhân là nguồn nhân lực Công nghệ thông tin của huyện).

5.2. Kinh phí thực hiện: Với tổng mức đầu tư giai đoạn 2022-2025 là 7.430.000.000 đồng (Bằng chữ: Bảy tỷ bốn trăm ba mươi triệu đồng), cụ thể như sau:

Phân bổ nguồn kinh phí cho các năm như sau:

- + Năm 2022 : 1,550 tỷ đồng;
- + Năm 2023 : 1,000 tỷ đồng;
- + Năm 2024 : 2,470 tỷ đồng;
- + Năm 2025 : 2,410 tỷ đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục kèm Nghị quyết)

Vì vậy, kính đề nghị HĐND huyện xem xét, thông qua Đề án Chuyển đổi số huyện Triệu Phong đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 để UBND huyện có căn cứ triển khai thực hiện đúng theo nội dung, tiến độ và đạt được các mục tiêu đã đề ra. /

Nơi nhận: /

- Như trên;
- CT, các PCT UBND;
- Lưu: VTUB.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phan Văn Linh